TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Giang

2. Bà Vương Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa:

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nông Mạnh H, sinh năm 1994
Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái
Hiện đang công tác tại: Công an huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bầy: Tôi và anh Nông Mạnh H kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2021 tại UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là mẹ chồng và con dâu không hợp nhau, chồng mải mê chơi bời, bỏ bê gia đình, không chăm sóc con cái, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

Về con chung: Có 01 cháu Nông Cẩm T sinh ngày 14/8/2021. Hiện nay cháu T đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Lương của tôi hiện nay là 11.500.000đồng một tháng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Mạnh H trình bầy: Tôi và chị Hoàng Thị S kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 18/01/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất được quan điểm sống sau đó vợ tôi mang con về nhà ngoại sinh sống, cuối tuần tôi đi công tác trở về nhà thì vợ tôi mới mang con về nhà tôi. Sự việc này diễn ra từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2022. Từ đó vợ tôi không thường xuyên nói chuyện với tôi mặc dù bản thân tôi đã cố gắng liên lạc, hỏi thăm vợ con nhưng vợ tôi thường xuyên lẩn tránh tôi. Đến tháng 9/2022 vợ tôi tuyên bố với tôi là quyết định ly hôn, tôi đã cố gắng níu kéo, giải thích nhưng vợ tôi không nghe sau đó vợ tôi đã đưa con và chuyển hết đồ đạc về nhà ngoại sinh sống từ tháng 9/2022 cho đến nay và vợ chồng tôi cũng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng tôi sống ly thân nhau thi thoảng tôi vẫn hỏi thăm qua điện thoại với mục đích là níu kéo để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng vợ tôi luôn tỏ ra thái độ thiếu tôn trọng tôi và quyết định không làm hòa quay lại. Đến nay tôi thấy bản thân tôi đã cố gắng hết sức vì cuộc hôn nhân này nhưng vợ tôi không đồng ý. Nay vợ tôi làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Văn Yên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của vợ tôi.

Về con chung: Có 01 cháu: Nông Cẩm T sinh ngày 14/8/2021. Khi ly hôn cô S nhận nuôi con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Nông Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 01 năm 2021 là hôn nhân hợp pháp. Chị S và anh H đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2022 sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị S cho rằng là do

mẹ chồng và con dâu không hợp nhau, chồng mải mê chơi bời, bỏ bê gia đình, không chăm sóc con cái, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Còn anh H cho rằng do vợ chồng không thống được quan điểm sống nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị S xin ly hôn. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị S.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào lời trình bầy của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị S và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay chị S xin ly hôn. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị S. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị S được ly hôn anh H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Nông Cẩm T sinh ngày 14/8/2021. Khi ly hôn chị S nhận nuôi cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao cháu T cho chị S nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng nuôi con chung của chị S không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị S được ly hôn anh Nông Mạnh H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nông Cẩm T sinh ngày 14/8/2021 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nông Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001743 ngày 15/6/2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND thị trấn Y, huyện L.
- Lưu HS-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng